

Số: 106/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 22 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố danh mục báo cáo định kỳ**  
**thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính  
phủ Quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên  
địa bàn tỉnh Bắc Kạn;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Phụ lục chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan điện tử hóa các chế độ báo cáo định kỳ ban hành kèm theo Quyết định này tại Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo các số liệu báo cáo được kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

2. Theo dõi việc thực hiện Quyết định này, cập nhật thường xuyên khi có sự thay đổi chế độ báo cáo định kỳ và công bố theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Bình**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN**

<b>S TT</b>	<b>Tên báo cáo</b>	<b>Đối tượng thực hiện</b>	<b>Cơ quan nhận báo cáo</b>	<b>Tần suất thực hiện báo cáo</b>	<b>Văn bản quy định báo cáo</b>	<b>Mẫu đề cương báo cáo hoặc biểu mẫu số liệu báo cáo</b>
1	Tổng hợp một số kết quả hoạt động truyền thanh cấp xã theo địa bàn hành chính cấp huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm	Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, hoạt động của đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Mẫu số 01
		Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm		Mẫu số 02
2	Báo cáo tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh	Sở Công Thương	Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm	Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Mẫu số 03

S TT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Văn bản quy định báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo hoặc biểu mẫu số liệu báo cáo
3	Báo cáo tình hình thực hiện các đề án xúc tiến thương mại	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn	Ủy ban nhân dân tỉnh	Báo cáo 06 tháng (trước ngày 31/7); báo cáo năm (trước 31/12)	Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn	Mẫu số 04
4	Báo cáo kết quả nhân rộng đề tài, dự án khoa học và công nghệ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm	Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Mẫu số 05
		Sở Khoa học và Công nghệ	Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm		

S TT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất thực hiện báo cáo	Văn bản quy định báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo hoặc biểu mẫu số liệu báo cáo
5	Báo cáo công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại các sở, ngành, địa phương	Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm	Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Mẫu số 06
6	Báo cáo tình hình sử dụng chi phí giải quyết nuôi con nuôi người nước ngoài và việc tiếp nhận, sử dụng, quản lý các khoản hỗ trợ nhân đạo theo quy định của pháp luật	Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Bắc Kạn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tư pháp	Năm	Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Mẫu số 07
7	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tháng, quý, năm	Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn nhiệm kỳ 2021 - 2026	Mẫu số 08
Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân tỉnh					

<b>S TT</b>	<b>Tên báo cáo</b>	<b>Đối tượng thực hiện</b>	<b>Cơ quan nhận báo cáo</b>	<b>Tần suất thực hiện báo cáo</b>	<b>Văn bản quy định báo cáo</b>	<b>Mẫu đề cương báo cáo hoặc biểu mẫu số liệu báo cáo</b>
8	Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ban Dân vận Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; Ban Nội chính Tỉnh ủy và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh	Sở Nội vụ	Năm	Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Mẫu số 09

# Mẫu số 01

## Biểu TTCS-01.1

Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-BTTTT

### TỔNG HỢP MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THANH CẤP XÃ TẠI ĐỊA BÀN HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Đơn vị báo cáo: Phòng Văn hóa và Thông tin

Ngày nhận báo cáo: Trước 05/3 năm tiếp theo

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp  
huyện, Sở Thông tin và Truyền thông

TT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Đơn vị có đài truyền thanh cấp xã	CƠ SỞ VẬT CHẤT, PHƯƠNG TIỆN, MỨC PHÓ CẤP					NHÂN LỰC													Ghi chú
				Công nghệ phát thanh đài xã có sử dụng (đánh dấu X vào ô phù hợp)				Tỷ lệ hộ gia đình nghe được truyền thanh cấp xã (%)	Tổng số người làm việc (7= 9+ 10+11)	Trong đó nữ	Tổng số người làm việc chia ra			Trình độ, chuyên ngành đào tạo						Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm		
				Đài có dây	Đài không dây	Đài cả có dây và không dây	Đài ứng dụng công nghệ - viễn thông				Kiểm nhiệm		Cán bộ không chuyên trách	Đại học trở lên			Cao đẳng trở xuống			Kỹ năng sản xuất chương trình, biên tập tin, bài	Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị kỹ thuật	
											Công chức văn hóa - xã hội	Công chức khác		Báo chí, tuyên truyền	Điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin	Ngành khác	Báo chí, tuyên truyền	Điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin	Ngành khác			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	(HUYỆN)																					
1	Xã 1																					
2	Xã 2																					
...	...																					

..., ngày ... tháng ... năm 20...

### TỔNG HỢP, LẬP BIỂU

(thông tin người thực hiện)

### KIỂM TRA BIỂU

(thông tin người thực hiện)

### TRƯỞNG PHÒNG

(ký điện tử)

a) Cách ghi biểu

Cột A: Ghi thứ tự các đơn vị hành chính cấp xã, huyện.

Cột B: Ghi tên đơn vị hành chính cấp huyện, xã.

Cột C: Ghi mã số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tương ứng với đơn vị có tên tại Cột B. Ghi theo bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Cách ghi thông tin cho các đơn vị hành chính cấp xã trên biểu:

Cột 1: Đánh dấu X nếu đơn vị có tên ở cột B có đài truyền thanh cấp xã. Để trống nếu đơn vị có tên tại cột B không có đài truyền thanh cấp xã.

Cột 2: Đánh dấu X nếu đài truyền thanh cấp xã tại cột B là loại sử dụng công nghệ có dây. Để trống nếu không phải.

Các cột 3, 4, 5: Ghi thông tin như cách ghi đã áp dụng đối với cột 2.

Các cột từ cột 6 đến cột 20: Ghi thông tin tương ứng với đơn vị có tên tại cột B.

Cách ghi số liệu tổng hợp cho các đơn vị hành chính cấp huyện trên biểu:

Sau khi ghi xong thông tin cho các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện, tiến hành ghi số liệu tổng hợp cho huyện. Cách ghi như sau:

Các cột 1, 2, 3, 4, 5: Đếm số ô có đánh dấu X thuộc từng cột, ghi số đếm được lên ô tương ứng.

Các cột còn lại (trừ cột 6): Cộng các giá trị thuộc từng cột, ghi số tổng lên ô tương ứng.

Cột 6: Ghi thông tin tương ứng là số liệu bình quân gia quyền của các đài truyền thanh cấp xã thuộc huyện. Số liệu bình quân gia quyền được tính trên cơ sở số liệu liên quan của đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn huyện.

b) Nguồn số liệu

Biểu tập hợp tương ứng từ Biểu mẫu TTCS-01 do các đài truyền thanh cấp xã đã báo cáo Phòng Văn hóa và Thông tin và từ dữ liệu hành chính của Phòng.



## Mẫu số 02

**Biểu TTCS-01.2**

Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-BTTTT

Ngày nhận báo cáo: Trước 05/3 năm tiếp theo

### TỔNG HỢP MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THANH CẤP XÃ THEO ĐỊA BÀN HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Năm 20...

Đơn vị báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông

Đơn vị nhận báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

TT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Đơn vị có đài truyền thanh cấp xã	CƠ SỞ VẬT CHẤT, PHƯƠNG TIỆN, MỨC PHỔ CẬP					NHÂN LỰC												Ghi chú		
				Công nghệ phát thanh đài xã có sử dụng (đánh dấu X vào ô phù hợp)				Tỷ lệ hộ gia đình nghe được truyền thanh cấp xã (%)	Tổng số người làm việc (7= 9+ 10+11)	Trong đó nữ	Tổng số người làm việc chia ra			Trình độ, chuyên ngành đào tạo					Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm				
				Đài có dây	Đài không dây	Đài cả có dây và không dây	Đài ứng dụng công nghệ tin - viễn thông				Kiêm nhiệm		Đại học trở lên			Cao đẳng trở xuống		Kỹ năng sản xuất trình, biên tập tin, bài	Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị kỹ thuật				
											Công chức văn hóa - xã hội	Công chức khác	Cán bộ không chuyên trách	Báo chí, tuyên truyền	Điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin	Ngành khác	Báo chí, tuyên truyền			Điện tử - viễn thông, công nghệ thông tin		Ngành khác	
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20					
	(TỈNH ...)																						
<b>1</b>	<b>Huyện 1</b>																						
1	Xã 1																						
2	Xã 2																						
...	...																						
<b>2</b>	<b>Huyện 2</b>																						
...	Xã 1																						
...	Xã 2																						
...	...																						

**TỔNG HỢP, LẬP BIỂU**  
(thông tin người thực hiện)

**KIỂM TRA BIỂU**  
(thông tin người thực hiện)

..., ngày ... tháng ... năm 20...  
**GIÁM ĐỐC**  
(ký điện tử)

a) Cách ghi biểu

Trong biểu mẫu này, “TỈNH” là viết gọn đại diện cho đơn vị hành chính cấp tỉnh. Khi lập biểu, Sở Thông tin và Truyền thông ghi tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và mã số tương ứng. “Huyện” là viết gọn đại diện cho các đơn vị hành chính cấp huyện. “Huyện” ở đây có thể là quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. “Xã” là viết gọn đại diện cho các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện. “Xã” ở đây có thể là xã, phường, thị trấn.

Cột A: Ghi thứ tự các đơn vị hành chính cấp xã, huyện của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Cột B: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã, huyện. Lưu ý ghi đầy đủ các đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh.

Cột C: Ghi mã số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tương ứng với đơn vị có tên tại cột B. Ghi theo bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Cách ghi thông tin cho các đơn vị hành chính cấp xã trên biểu:

Cột 1: Đánh dấu X nếu đơn vị có tên ở cột B có đài truyền thanh cấp xã. Để trống nếu đơn vị có tên tại cột B không có đài truyền thanh cấp xã.

Cột 2: Đánh dấu X nếu đài truyền thanh cấp xã sử dụng công nghệ loại có dây. Để trống nếu không phải.

Các cột 3, 4, 5: Ghi thông tin như cách ghi đã áp dụng đối với cột 2.

Các cột từ cột 6 đến cột 20: Ghi thông tin tương ứng với đơn vị có tên tại cột B.

Cách ghi số liệu tổng hợp cho các đơn vị hành chính cấp huyện trên biểu:

Sau khi ghi xong thông tin cho các đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện 1, tiến hành ghi số liệu tổng hợp cho huyện 1. Cách ghi như sau:

Các Cột 1, 2, 3, 4, 5: Đếm số ô có đánh dấu X thuộc từng cột, ghi số đếm được lên ô tương ứng.

Các cột từ Cột 7 đến Cột 19: Cộng các giá trị thuộc từng cột, ghi số tổng lên ô tương ứng.

Cột 6: Ghi thông tin tương ứng là số liệu bình quân gia quyền của các đài truyền thanh cấp xã thuộc huyện 1. Số liệu bình quân gia quyền được tính trên cơ sở số liệu liên quan của đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn huyện 1.

Các huyện còn lại: Ghi thông tin tổng hợp theo cách như đã áp dụng đối với huyện 1.

Ghi số liệu tổng hợp toàn địa bàn (dòng TỈNH).

Số liệu dòng tổng hợp toàn địa bàn tỉnh được tổng hợp tương ứng từ các huyện thuộc tỉnh.

b) Nguồn số liệu

Biểu tập hợp tương ứng từ Biểu mẫu TTCS-01 do các Ủy ban nhân dân cấp xã đã báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông (hoặc từ biểu TTCS-01.1 các Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện đã báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông) và từ dữ liệu hành chính của sở.

Mẫu số 03

TÌNH HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN NĂM....

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Phương án phát triển cụm công nghiệp</b>			
1	Số lượng cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	Cụm		
2	Tổng diện tích cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	ha		
3	Số lượng cụm công nghiệp bổ sung phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Cụm		
4	Tổng diện tích các cụm công nghiệp bổ sung phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	ha		
5	Số lượng cụm công nghiệp rút ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Cụm		
6	Tổng diện tích các cụm công nghiệp rút ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	ha		
7	Số lượng cụm công nghiệp điều chỉnh diện tích trong kỳ báo cáo	Cụm		
8	Tổng diện tích các cụm công nghiệp sau điều chỉnh phương án phát triển trong kỳ báo cáo	ha		
<b>II</b>	<b>Thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp</b>			
9	Số lượng cụm công nghiệp đã thành lập	Cụm		

<b>T T</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập	ha		
11	Số lượng cụm công nghiệp thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
12	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
13	Tổng số lượng cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
14	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
15	Số lượng cụm công nghiệp do Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
16	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
17	Số lượng cụm công nghiệp do Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
18	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Ban Quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
19	Số lượng cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
20	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
21	Số lượng cụm công nghiệp Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập khác làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		

<b>T T</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập khác làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
23	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Cụm		
24	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	ha		
25	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Cụm		
26	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	ha		
27	Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp (tính theo dự án được phê duyệt)	Tỷ đồng		
28	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
<b>III</b>	<b>Hoạt động của các cụm công nghiệp</b>			
29	Số lượng các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	Cụm		
30	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	ha		
31	Tổng diện tích đất công nghiệp của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động (tính theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt)	ha		
32	Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê tại các cụm công nghiệp	ha		

<b>T T</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>	<b>Ghi chú</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	Tỷ lệ lắp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	%		
34	Tổng số dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	Dự án		
35	Tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
36	Tổng số người lao động làm việc trong các cụm công nghiệp	Ngườ i		
37	Nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
38	Số cụm công nghiệp có công trình xử lý nước thải chung đã đi vào hoạt động	Cụm		

..., ngày...tháng... năm...  
**Thủ trưởng đơn vị**  
*(chữ ký, dấu)*

**Mẫu số 04**

**TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ  
THỰC HIỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

Bắc Kạn, ngày ..... tháng ..... năm .....

**BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến thương  
tỉnh Bắc Kạn 06 tháng đầu năm .../năm .....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Quyết định số: ...../QĐ-UBND ngày .... tháng .... năm ..... (tên đơn vị chủ trì thực hiện) báo cáo tình hình thực hiện các đề án thuộc chương trình xúc tiến thương tỉnh Bắc Kạn 06 tháng đầu năm ...../năm ..... với các nội dung như sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

1. Thuận lợi, khó khăn

2. Kết quả đạt được

- Đề án:.....;

- Đề án:.....;

- .....

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

**II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI  
NĂM .../NĂM ....**

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)**

Nơi nhận:

.....

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ**  
(ký, đóng dấu)



Mẫu số 05

CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .....tháng..... năm 20.....

**BÁO CÁO**

**Kết quả nhân rộng đề tài, dự án khoa học và công nghệ  
(Năm .....**)

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhân rộng các đề tài/dự án tại cơ quan, đơn vị, địa phương**

.....  
**2. Kết quả duy trì, nhân rộng đề tài/dự án**

**Biểu mẫu thống kê đánh giá kết quả duy trì, nhân rộng các đề tài/dự án**

T T	Tên đề tài/dự án	Năm nhận bàn giao	Kết quả thực hiện sau khi nhận bàn giao			Nguồn kinh phí sử dụng để duy trì, nhân rộng (tr.đ)		Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội	Ghi chú
			Duy trì (nêu rõ quy mô, địa điểm duy trì)	Nhân rộng (nêu rõ quy mô, địa điểm duy trì)	Không duy trì, nhân rộng (nêu rõ lý do không duy trì, nhân rộng được)	Từ ngân sách nhà nước	Khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
...									

**3. Đánh giá chung kết quả nhân rộng các đề tài, dự án**

.....  
**4. Những khó khăn, hạn chế**

.....  
**5. Định hướng nhân rộng kết quả các đề tài/dự án trong thời gian tới (năm .....**)

.....  
**6. Đề xuất, kiến nghị**

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở KH&CN.

**Thủ trưởng**

**Cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo**  
(họ tên, chữ ký, đóng dấu)

**Mẫu số 06**  
**ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo Tài nguyên nước của các sở, ngành, địa phương**

**I. Kết quả công tác quản lý tài nguyên nước của các ngành, lĩnh vực, địa phương**

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1.1. Công tác quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi, sử dụng nguồn nước vào mục đích phát triển nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

1.2. Công tác tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường.

**2. Sở xây dựng:** Công tác cấp nước an toàn của các công trình cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh.

**3. Sở Công thương:** Tình hình hoạt động thủy điện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; công tác đảm bảo công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt phục vụ thủy điện.

**4. Cục thuế tỉnh:** Tình hình thực hiện việc thu tiền cấp quyền khai thác sử dụng tài nguyên nước và các nghĩa vụ tài chính liên quan đến tài nguyên nước liên quan.

**5. Các sở, ngành khác có liên quan theo lĩnh vực ngành quản lý khi có yêu cầu thực hiện báo cáo.**

**6. Tình hình quản lý tài nguyên nước tại các huyện, thành phố**

a) Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên nước.

b) Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn bao gồm: Việc thực hiện giấy phép tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; rà soát, kiểm tra các đối tượng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; công tác cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; quản lý, bảo vệ vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt; việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định; hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn.

c) Tình hình thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước.

**II. Thuận lợi, khó khăn:**

**1. Thuận lợi:**

**2. Khó khăn, vướng mắc:**

**III. Đề xuất, kiến nghị:**

**Mẫu số 07**

**SỞ LĐ-TB&XH TỈNH BẮC KẠN  
CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI TỔNG HỢP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /BC-CSBTXHHTH

Bắc Kạn, ngày tháng năm 202...

**BÁO CÁO**

**Tình hình sử dụng chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài  
và việc tiếp nhận, sử dụng, quản lý các khoản hỗ trợ nhân đạo  
theo quy định của pháp luật**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**II. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CHI PHÍ GIẢI QUYẾT NUÔI CON NUÔI  
NƯỚC NGOÀI**

1. Số kinh phí được cấp
2. Số kinh phí đã sử dụng (nêu cụ thể chi tiết các nội dung đã sử dụng)

**III. VIỆC TIẾP NHẬN, SỬ DỤNG, QUẢN LÝ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ  
NHÂN ĐẠO**

1. Các khoản hỗ trợ đã tiếp nhận
2. Việc quản lý, sử dụng (nêu cụ thể chi tiết các nội dung đã sử dụng)

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**V. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

**VI. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

**Nơi nhận:**

- Sở LĐTB&XH;
- Lưu...

**GIÁM ĐỐC**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## Mẫu số 08

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

#### **I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI HÀNG THÁNG VÀ LŨY KẾ**

##### **1. Về tăng trưởng và phát triển kinh tế**

- Chỉ áp dụng đối với cấp tỉnh, đánh giá 06 tháng và cả năm.
- Kết quả thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

##### **2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản**

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Đánh giá tiến độ và kết quả trồng trọt; phát triển các cây trồng có giá trị cao, gắn với sản xuất hàng hóa; cây ăn quả...

- Phát triển quy mô và chất lượng chăn nuôi; phát triển theo hướng trang trại, gia trại.

- Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; chuyển đổi rừng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn, cấp chứng chỉ rừng; công tác quản lý và bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đặc dụng, rừng tự nhiên.

- Thực hiện Đề án mỗi xã, phường một sản phẩm OCOP.

- Các nội dung khác trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản.

##### **3. Sản xuất công nghiệp - xây dựng cơ bản**

###### **3.1. Sản xuất công nghiệp**

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất công nghiệp.

- Thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đôn đốc cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hoạt động ổn định.

- Các nội dung khác trong sản xuất công nghiệp.

### 3.2. Hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong đầu tư xây dựng cơ bản.

- Kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước.

- Các nội dung khác trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

## 4. Phát triển dịch vụ

### 4.1. Phát triển thương mại

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong phát triển dịch vụ thương mại.

- Kết quả thực hiện hoạt động thương mại; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; chỉ số giá tiêu dùng CPI.

- Hoạt động xúc tiến thương mại.

- Kết quả thực hiện xuất, nhập khẩu.

- Các nội dung khác trong hoạt động thương mại.

### 4.2. Phát triển du lịch

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong phát triển du lịch.

- Kết quả thực hiện phát triển du lịch; tổng lượng khách du lịch; tổng doanh thu ngành du lịch.

- Hoạt động xúc tiến du lịch.

- Các nội dung khác trong hoạt động du lịch.

## 5. Phát triển doanh nghiệp - hợp tác xã

### 5.1. Phát triển doanh nghiệp - xúc tiến đầu tư

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Kết quả thực hiện phát triển doanh nghiệp tư nhân; số doanh nghiệp thành lập mới, ngừng hoạt động, giải thể.

- Kết quả thực hiện phát triển doanh nghiệp nhà nước.
- Kết quả thực hiện thu hút, xúc tiến đầu tư.
- Các nội dung khác trong hoạt động phát triển doanh nghiệp - xúc tiến đầu tư.

## 5.2. Phát triển hợp tác xã

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Kết quả thực hiện phát triển hợp tác xã; số hợp tác xã thành lập mới, ngừng hoạt động, giải thể.

- Tình hình hoạt động của các hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã.

- Các nội dung khác trong hoạt động phát triển hợp tác xã.

## 6. Tài chính - tiền tệ - hoạt động ngân hàng

### 6.1. Thu - chi ngân sách nhà nước

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong quản lý thu - chi ngân sách.

- Kết quả thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước.

- Các nội dung khác trong hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước.

### 6.2. Hoạt động ngân hàng

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong hoạt động ngân hàng.

- Kết quả hoạt động ngân hàng; huy động vốn; diễn biến tín dụng.

- Các nội dung khác trong hoạt động ngân hàng.

## 7. Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

- Kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Các nội dung khác trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

## **8. Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

### **8.1. Giáo dục và đào tạo**

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu giáo dục, đào tạo; các giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học; rà soát mạng lưới trường lớp học; xã hội hóa giáo dục mầm non; thực hiện kế hoạch trường đạt chuẩn quốc gia về giáo dục...

- Các nội dung khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

### **8.2. Y tế - chăm sóc sức khỏe Nhân dân**

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực y tế.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu lĩnh vực y tế; mở rộng diện bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; thực hiện đề án xã hội hóa dịch vụ y tế; thực hiện kế hoạch xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã...

- Các nội dung khác trong lĩnh vực y tế.

### **8.3. Văn hóa, thể dục - thể thao**

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao; thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; xây dựng và phát huy các thiết chế văn hóa; phát triển phong trào văn hóa, thể dục - thể thao,...

- Các nội dung khác trong lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao.

### **8.4. Lao động - thương binh và xã hội**

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu lĩnh vực lao động, đào tạo nghề, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

- Kết quả thực hiện các chính sách người có công; chính sách bảo trợ xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội, bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em.

- Kết quả thực hiện công tác giảm nghèo.

- Các nội dung khác trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội.

#### 8.5. Thông tin và truyền thông

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thông tin truyền thông; thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở,...

- Các nội dung khác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

### **9. Khoa học công nghệ - tài nguyên, môi trường**

#### 9.1. Khoa học công nghệ

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong phát triển khoa học công nghệ.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ; ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong chế biến, bảo quản sản phẩm nông, lâm sản; các sản phẩm nông nghiệp đã có thương hiệu, các sản phẩm trong danh mục của đề án OCOP.

- Các nội dung khác trong phát triển khoa học công nghệ.

#### 9.2. Tài nguyên, môi trường

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành trong quản lý tài nguyên, môi trường.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ quản lý tài nguyên đất đai, khoáng sản, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Các nội dung khác trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, môi trường.



## **10. Về cải cách hành chính; dân tộc, tôn giáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại tố cáo; công tác thanh niên**

- Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành.
- Kết quả thực hiện cải cách hành chính; kết quả thực hiện việc đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...
- Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc - tôn giáo.
- Kết quả thực hiện công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo; thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí.
- Kết quả thực hiện công tác thanh niên.

## **11. Về quốc phòng, an ninh**

Kết quả thực hiện các biện pháp chỉ đạo, điều hành và tình hình thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội (bao gồm cả bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ).

## **II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HÀNG NĂM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhất là các nhiệm vụ đến hạn hoàn thành.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

### **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

## **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THÁNG TIẾP THEO HOẶC NHỮNG THÁNG TIẾP THEO**

### **1. Phát triển kinh tế**

- Phát triển, nông, lâm nghiệp
- Phát triển công nghiệp
- Đầu tư xây dựng
- Phát triển dịch vụ

- Phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã

- Tài chính, tiền tệ

- Xây dựng nông thôn mới

2. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Giáo dục và đào tạo

- Y tế

- Văn hóa, thể dục, thể thao

- Lao động - thương binh và xã hội

- Thông tin và truyền thông

- Dân tộc, tôn giáo

3. Khoa học và công nghệ - tài nguyên và môi trường

4. Lĩnh vực nội chính

5. Quốc phòng an ninh

6. Các nội dung khác

**V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ (nếu có)**

**Mẫu số 09**

**Phụ lục II**

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**TÊN ĐƠN VỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

*Bắc Kạn, ngày.....tháng.....năm.....*

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước  
về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**1. Tình hình thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước  
về tín ngưỡng, tôn giáo**

Báo cáo các nội dung liên quan tại Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8 theo Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được ban hành kèm theo Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**2. Các đề xuất, kiến nghị (nếu có)**

- ...

- ...

*Nơi nhận:*

.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*